

Số: 1058/2019/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 01 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0951/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Mai Thanh A**

Sinh năm: 1972

Địa chỉ thường trú: 399/22A đường M, Phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Nguyễn Thị Kiều B**

Sinh năm: 1985

Địa chỉ thường trú: 399/ 22A đường M, Phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện O, tỉnh K cấp cho ông Mai Thanh A và bà Nguyễn Thị Kiều B ngày 17 tháng 3 năm 2009 cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Thanh A và bà Nguyễn Thị Kiều B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết, Tòa đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên cuộc hôn nhân này đã không đạt được mục đích nên sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện và đúng pháp luật, nghĩ nên công nhận.

[2] Về con chung: ông A và bà B xác nhận có 02 con chung là Mai Cát C - sinh ngày 12/5/2010 và Mai Thiên D - sinh ngày 02/08/2012. Đôi bên thỏa thuận giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên về con chung là tự nguyện và đúng pháp luật nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: ông Mai Thanh A và bà Nguyễn Thị Kiều B phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Mai Thanh A và bà Nguyễn Thị Kiều B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Mai Cát C - sinh ngày 12/5/2010 và Mai Thiên D - sinh ngày 02/08/2012. Đôi bên thỏa thuận giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Bà B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Mai Thanh A và bà Nguyễn Thị Kiều B thỏa thuận chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020970 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; ông A và bà B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Y;
- Chi cục THADS Q.Y;
- UBND TT. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thiện Liên Hương